

Bản án số: 15/2019/HS-ST

Ngày 02/4/2019

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;

2. Ông Từ Minh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị ThA Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: bản Quảng H, xã Vô T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Tấn, có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Văn A và bà Võ Thị An B, Luật sư, thuộc Văn phòng luật sư Dân A – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. Ông A vắng mặt, bà B có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- *Bị hại:* A Phạm Ngọc C, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tổ 31A, khu 9, phường Quang Trung, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh “vắng mặt”

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Giáp Văn Đ, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH FACi- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang “vắng mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. A Nguyễn Duy N, sinh năm 1989 “có mặt”

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 “có mặt”

Cùng cư trú tại: Bản Quảng H, xã Vô T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1955 “có mặt”

Nơi cư trú: Bản Quảng H, xã Vô T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. A Nguyễn Văn K, sinh năm 1990 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Tổ 2, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

3. Ông Trần Xuân S, sinh năm 1962 “có mặt”

Nơi cư trú: Thôn Ri, xã Vô T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. A Vũ Thanh L, sinh năm 1987 “vắng mặt”

Nơi cư trú: T, Hoàng Quế, Đ, Quảng Ninh.

5. A Nguyễn Công A, sinh năm 1980 “vắng mặt”

Nơi cư trú: T, Hoàng Quế, Đ, Quảng Ninh.

6. A Trần Khắc T, sinh năm 1984 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

7. Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1959 “có mặt”

8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 “có mặt”

Cùng nơi cư trú: Bản Quảng H, xã Vô T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

9. Ông Nguyễn Văn B, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Mai S “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/4/1996 Lâm trường Mai S (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV lâm nghiệp Mai S) có ký hợp đồng số 01 khoán đất, khoán rừng cho ông Nguyễn Xuân H diện tích rừng và đất rừng là 16,10ha thuộc lô c +d (nay là lô 1, 2), khoảnh 28, tiểu khu 104 thuộc bản Quảng H, xã Vô T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, thời hạn hợp đồng là 30 năm. Đến năm 2006 Lâm trường Mai S chuyển đổi từ hình thức lâm trường sAg hình thức công ty, tiến hành ký lý hợp đồng khoán đất khoán rừng đối với ông Nguyễn Xuân H và hai bên đã ký lý hợp đồng. Từ năm 2006 đến năm 2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV lâm nghiệp Mai S (viết tắt là Công ty Mai S) tiếp tục trồng cây trên diện tích đất rừng này. Ngày 26/2/2014, Công ty Mai S ký hợp đồng khoán liên doanh trồng rừng kinh tế diện tích 292ha, trong đó có lô 1,2 khoảnh 28, tiểu khu 104 với ông Trần Xuân S. Do khi ký hợp đồng công ty Mai S chưa khai thác xong, nên đến năm 2017 Công ty mới bàn giao đất cho ông S. Ngày 24/01/2018, Công ty Mai S tiến hành lập biên bản bàn giao hiện trường, ra giới lô khoảnh cho ông S. Tuy nhiên ông S chưa trồng cây thì ông H đã trồng cây mới vào diện tích đất trên.

Theo ông H khai lý do ông trồng cây vào diện tích đất đã được công ty Mai S ký hợp đồng giao khoán cho ông S, là vì: Công ty Mai S chưa trả toán tiền khoán theo hợp đồng năm 1996 cho gia đình ông và tại biên bản làm việc ngày 15/5/2015 Công ty Mai S đã thống nhất với các hộ dân là khoán lại cho các hộ đã nhận khoán 01 trước đây (trong đó có hộ gia đình ông) nhưng sau khi chuyển đổi sang rừng sản xuất thì Công ty Mai S lại giao đất cho ông S. Đến năm 2016 thì ông đã trồng cây vào diện tích đất này, đồng thời làm đơn đề nghị Công ty Mai S giao diện tích đất rừng trên cho gia đình ông nhưng Công ty Mai S chưa đồng ý. Việc ông trồng cây trên diện tích đất trên là để giữ đất nhận hợp đồng liên doanh bảo vệ rừng với Công ty Mai S.

Đại diện Công ty Mai S là ông Nguyễn Văn B- Giám đốc khai: Công ty Mai S đã trả lý hợp đồng với ông Nguyễn Xuân H sau đó năm 2014 mới ký hợp đồng khoán liên doanh trồng rừng với ông S. Còn về biên bản làm việc ngày 15/5/2015 giữa Công ty Mai S với các hộ dân thì Công ty Mai S đã thừa nhận thiếu sót là công ty chưa trả toán tiền trông coi bảo vệ rừng cho các hộ dân trên và công ty hứa sẽ khoán lại cho các hộ dân nhận khoán 01 trước đây sau khi trả lý hợp đồng với ông S. Tuy nhiên phía công ty Mai S hứa khoán lại cho các hộ dân là “rừng tự nhiên”, không phải là “rừng sản xuất”; việc trả lý hợp đồng với ông S cũng là trả lý hợp đồng “rừng tự nhiên”, gia đình ông H không có hợp đồng khoán rừng tự nhiên với Công ty Mai S. Trong biên bản làm việc ngày 15/5/2015 gia đình ông H không có đơn đề nghị, cũng không có thắc mắc kiến nghị gì. Đến năm 2017 ông Nguyễn Xuân H có đơn xin nhận khoán liên doanh trồng rừng với Công ty Mai S nhưng Công ty Mai S không đồng ý là vì: Năm 2014 Công ty đã ký hợp đồng khoán liên doanh trồng rừng với ông S và do UBND tỉnh Bắc Giang có công văn chỉ đạo “tạm dừng việc ký kết các hợp đồng liên doanh, liên kết sản xuất”.

Ngày 10/5/2018 ông S thuê A Vũ Thành L cùng một số người khác và hai máy múc đến lô số 1, 2 khoảng 28 dọn thực bì, xới gốc cây bạch đàn, cây keo do ông H trồng để chuẩn bị cho việc trồng cây mới. Trong các ngày 11, 12/5/2018, A L cùng một số người làm thuê và hai máy múc đến dọn thực bì trên diện tích đất trên thì ông Nguyễn Xuân H cùng một số người trong gia đình ông H ngăn cản không cho làm và nói diện tích đất này là của gia đình ông H. A L về nói lại với ông S thì được ông S cho biết, diện tích đất trên là đất được giao hợp pháp cho ông S, việc ông H đòi đất là không đúng và yêu cầu nhóm A L tiếp tục làm việc.

Sáng ngày 13/5/2018, ông S tiếp tục thuê thêm 01 máy xúc nữa và người làm gồm A Vũ Thành L; A Phạm N C, A Nguyễn Văn K; A Trần Khắc Thành; A Nguyễn Công A; A Nguyễn C Thắng; A Nguyễn Huy Ninh đều trú tại tỉnh Quảng Ninh và A Vũ Đức Tuấn, sinh năm 1991, trú tại thôn Mới, xã Trường S, huyện L, tỉnh Bắc Giang; A Nguyễn Văn Song, sinh năm 1993, trú tại thôn Kênh Mai, xã Văn Đức, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (trong đó A Tuấn, A Ninh, A Song phụ trách lái máy xúc, những người lại dọn cỏ, gốc cây do máy múc xới lên). Khi những người này đi lên diện tích đất T chấp thì A Nguyễn Duy N đang làm vườn ngay sau nhà phát hiện ra nên đã cầm theo hai con dao phát rừng đi lên

diện tích đất này, đồng thời gọi điện báo cho bố mình là ông Nguyễn Xuân H và mẹ là bà Đoàn Thị N biết. Khi A N lên đến nơi một lúc thì ông Nguyễn Xuân H, bà Đoàn Thị N, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tấn cùng trú tại thôn Quảng H cũng đi lên đến nơi. Ngoài ra còn có bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 trú cùng thôn với ông H đi lấy củi, thấy ồn ào tại khu rừng đAg T chấp nH ông H nên cũng ra xem. Khi lên đến nơi, ông H, ông H, bà Tấn đứng nói chuyện với A L, A K, A THnh, A Song. Ông H cho rằng diện tích rừng mà nhóm người A L đAg làm là của gia đình ông và yêu cầu nhóm người của A L dừng lại. A L cầm giấy tờ liên quA đến diện tích đất đAg T chấp và giải thích với ông H diện tích đất này hiện nay là của ông S. Quá trình nói chuyện, A L đưa cho A Song chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG của mình đã mở sẵn ứng dụng quay video để A Song quay lại. Lúc này bà N, A N ra nói chuyện với A Tuấn là người đAg lái máy mức phá gốc cây, ngăn không cho A Tuấn tiếp tục làm. Nói chuyện với A L một lúc, ông H đi ra vị trí máy xúc A Tuấn đAg làm ngăn cản không cho máy mức tiếp tục làm. Lúc này thì Nguyễn Văn C là con ông Nguyễn Văn H đAg đi tìm bò có cầm theo 01 con dao phát cây rừng đến ngồi ở gốc cây phía đường mòn gần vị trí xảy ra T chấp. Theo lời khai của ông H, bà N, A N, Nguyễn Văn C thì khi ông H, bà N, A N ngăn cản không cho máy mức tiếp tục làm thì bị người lái máy mức là A Tuấn mức đất đổ lên đầu bà N, rung lắc gầu máy mức phía trên đầu bà N, rồi dùng gầu máy mức gạt người bà N ra. Ông H chạy xuống trèo lên máy mức, yêu cầu dừng máy mức thì máy mức không dừng mà quay tròn máy hất ông H ngã xuống đất, rồi dùng gầu máy mức đè lên người ông H. Sau đó A Trần Khắc THnh cầm 01 gậy gỗ chỉ về phía ông H yêu cầu ông H đi ra để cho máy mức làm việc thì ông H dùng tay gạt gậy ra rồi cầm đầu gậy giằng co gậy với A THnh. A Nguyễn N C và A Nguyễn Văn K lúc này đAg đứng gần A N, mỗi người cầm 1 đoạn gậy, A N mỗi tay cầm một con dao phát cây rừng. A K, A C đánh nhau với A N. Quá trình đánh nhau thì N bị rơi một dao ở tay trái, còn 1 dao ở tay phải. Thấy đánh nhau Nguyễn Văn C cầm dao lao vào, C quay ra dùng gậy vụt vào đầu làm rơi mũ cối của C. N và C cùng vung dao về phía C. C và N khai khi N chém về phía C thì không trúng vào đầu. C vừa lùi lại vừa cầm gậy vụt về phía C nhưng không trúng. C vừa tiến lên vung dao chém về phía C nhưng không trúng. C tiếp tục vừa cầm gậy vụt về phía C vừa lùi lại thì bị ngã ngổ, C tiến lên khoảng 2 đến 3 bước, tay phải cầm dao vung về phía C theo hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước trúng vào cổ tay của A C. K thấy vậy cầm gậy quay sAg vụt về phía C và N. A C bỏ chạy. C, N quay về phía K. K bỏ chạy sau về phía bà H, N đuổi theo K. Theo lời khai của N thì quá trình bỏ chạy A K đã dùng gậy vụt bà H l cái vào lưng. A N tiếp tục đuổi A K thì K bị ngã, N chạy lại gần dùng dao chém về phía A K khoảng 3 đến bốn nhát thì dừng lại. A N có chém trúng chân A K không thì A không rõ. Sau khi A N chém A K xong thì bà N chạy đến cầm gậy vụt vào chân A K. Sau đó bà N lùi ra thì A thấy chân A K chảy máu. A C bỏ chạy về phía đường mòn. Sau đó A K được A Tuấn đưa đi cấp cứu. A C được A Công A đưa đi cấp cứu.

Ngày 28/5/2018, Cơ quA cảnh sát điều tra – Công A huyện L ra quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Nguyễn Văn K và A Phạm N C.

Tại Bản kết luận giám định về thương tích số 8275 ngày 31/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc GiAg kết luận thương tích của A Nguyễn Văn K như sau: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 1%; thương tích do vật sắc gây nên, không xác định được chiều hướng gây thương tích. Tại Bản kết luận giám định về thương tích số 8276 ngày 15/6/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc GiAg kết luận thương tích của A Phạm N C như sau: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 24%; thương tích do vật sắc gây nên, chiều hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 09 tháng 02 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo C khai: Nội dung bản cáo trạng truy tố hoàn toàn đúng. Do A C dùng gậy đập vào đầu làm rơi mũ cối của bị cáo trước nên bị cáo đã cầm dao chém về phía A C, gây thương tích 24% ở cổ tay phải cho A C. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo biết mình sai nên đã cùng gia đình bồi thường cho bị hại 200 triệu đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H khai: Ông là bố đẻ của bị cáo C. Bị cáo đã tác động đến ông để bồi thường cho bị hại 200 triệu đồng. Nay ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A Nguyễn Duy N khai: A có mặt hôm xảy ra sự việc nhưng A không gây thương tích cho ai, A không có ý kiến gì.

Người làm chứng ông Nguyễn Xuân H khai: Hôm xảy ra sự việc ông có chứng kiến. C là người gây thương tích cho A C.

Người làm chứng ông Trần Xuân S khai: Sự việc xảy ra như thế nào ông không biết vì ông không chứng kiến. Ông là người thuê A L, A C, A K và một số người dọn cỏ để trồng rừng. Gia đình ông có đầy đủ giấy tờ pháp lý về việc giao khoán rừng.

Người làm chứng bà Đoàn Thị N khai: Bà bị người lái máy mức mức đất đổ lên đầu và rung lắc gầu máy trên đầu bà, bà đã được giám định thương tích nhưng không có % thương tích. Nay bà không ý kiến và yêu cầu gì.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H khai: Hôm xảy ra sự việc bà đi lấy củi gần đó, thấy ồn ào bà có lên xem, thấy có người bị thương tích nhưng ai chém ai bà không biết.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện L, thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên.

Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố Nguyễn Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS, xử phạt Nguyễn Văn C từ 24-30 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian

thử thách từ 48 – 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Vô T, huyện L giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, A C là bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát cây màu đen, lưỡi dao và chuôi dao liền bản bằng sắt, màu đen, dài 40cm, bản rộng N 4cm; 01 con dao phát cây gồm phần lưỡi dao bản sắt màu đen và chuôi gỗ dài 72cm, phần lưỡi dao bản sắt dài 41cm, phần rộng N 5cm; 01 con dao phát cây phần lưỡi dao bản sắt màu đen và chuôi gỗ, dài 66cm, phần bản lưỡi sắt dài 39cm, bản rộng N 4cm; 01 dao phát cây, phần lưỡi dao bản sắt, chuôi gỗ, dài 56cm, phần bản lưỡi sắt dài 40cm, bản rộng N 4cm; 01 bộ quần áo đồng màu xA, kiểu áo giàn di, quần dài, áo dài tay; 01 áo dài tay màu xA, kiểu áo giàn di, 01 quần bò dài màu xA; 03 gậy gỗ có đặc điểm: 01 gậy gỗ chặt vát hai đầu dài 87cm, đường kính 3cm; 01 gậy gỗ dài 1,05m, đường kính 3cm, một đầu chặt gọn, 1 đầu chặt nham nhọn; 01 gậy gỗ dài 1,14m, đường kính 3,5m, hai đầu chặt gọn.

Luật sư bào chữa cho bị cáo C phát biểu bào chữa: Về tội dA và điều luật áp dụng không có ý kiến gì. Đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của BLHS. Ngoài ra bị hại là A C cũng có một phần lỗi khi cầm gậy đập vào đầu làm rơi mũ của bị cáo trước, do vậy xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới 02 năm tù, cho hưởng án treo là thỏa đáng.

Sau khi nghe Kiểm sát viên luận tội, đề xuất quA điểm giải quyết vụ án, Luật sư phát biểu bào chữa. Bị cáo C không T luận gì.

Người liên quA không T luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được T tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quA điều tra Công A huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo tHnh khẩn khai nhận Hình vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Buổi sáng ngày 13/5/2018, A Phạm N C và 8 người khác được ông Trần Xuân S thuê dọn thực bì và cây do ông H trồng trên trên diện tích đất rừng đAg T chấp giữa ông S và ông H là lô 1, 2 khoảnh 28, tiểu khu 104 thuộc bản Quảng H, xã Vô T, huyện L, tỉnh Bắc GiAg. Khi máy móc do A Tuấn điều khiển đAg mức sỏi gốc cây thì gia đình ông H ra cA

ngăn không cho tiếp tục làm. A K, A THnh, A C ra cản không cho ông H và gia đình ông H cản máy mức thì hai bên xảy ra xô xát. A C, A K đánh nhau với A N thì Nguyễn Văn C cầm dao lao vào, C quay ra dùng gậy vọt vào đầu làm rơi mũ cối của C. N và C cùng vung dao về phía C. C vừa lùi lại vừa cầm gậy vừa vọt về phía C nhưng không trúng. C vừa tiến lên, vừa vung dao về phía C nhưng không trúng. C tiếp tục vừa cầm gậy vọt về phía C vừa lùi lại thì bị ngã ngối, C tiến lên khoảng 2 đến 3 bước, tay phải cầm dao vung về phía C theo hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước trúng vào cổ tay A C. Hậu quả A C bị tổn hại sức khỏe 24%.

Hnh vi của bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS. VKSND huyện L truy tố bị cáo về tội dA và điều luận như viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đều đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ.

Xét thấy Hnh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất trật tự trị A ở địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với Hnh vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của Hnh vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn khai báo tHnh khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có công với Cách Mạng được tặng thưởng huy chương kháng C. Ngoài ra bị hại cũng có một phần lỗi đã dùng gậy vọt vào đầu làm rơi mũ cối của bị cáo trước. Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS nên cho bị cáo hưởng lượng kHn H của pháp luật, cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục bị cáo trở tHnh công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi xét xử bị cáo và A C đã thống N thỏa thuận bồi thường tổng số tiền 200 triệu đồng. Trong đó bị cáo đã trực tiếp bồi thường số tiền 150 triệu đồng cho A C, do bà Lại Thị H là mẹ đẻ A C nhận thay. Số tiền 50 triệu đồng bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện L nên được chấp nhận.

[5] Đối với Hnh vi gây thương tích cho A K 1%. Ngày 20/12/2018 A K đã có đơn rút yêu cầu xử lý hình sự đối với việc A bị gây thương tích 1%. Do vậy cơ quA cảnh sát điều tra – Công A huyện L không có căn cứ để xử lý đối với A Nguyễn Duy N về Hnh vi này.

[6] Về việc ông H, bà N cho rằng người lái máy mức là A Tuấn có Hnh vi dùng gầu máy mức xúc đất đổ lên đầu bà N, dùng gầu máy mức đè vào ông H và đề nghị Cơ quA cảnh sát điều tra – Công A huyện L xử lý Hnh vi này. Cùng ngày 28/5/2018, Cơ quA cảnh sát điều tra – Công A huyện L đã ra quyết định

trung cầu giám định thương tích đối với ông H và bà N. Tại các Kết luận giám định số 8273, 8274 ngày 31/5/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bắc GiAg kết luận đối với thương tích của ông H và bà N về tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 0%. Do vậy không có đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với A Tuấn về Hnh vi này.

Quá trình xảy ra sự việc, bà H khai sau khi bà N bị máy mức rung lắc gầu máy mức trên đầu thì thấy mọi người chạy xô về phía ông H thì có một người dùng gậy vụt từ sau phía sau vào lưng của bà, bà bị choáng ngất và nằm dưới đất một lúc, sự việc sau đó xảy ra như thế nào thì bà không biết. Cơ quA cảnh sát điều tra – Công A huyện L ra quyết định trung cầu giám định thương tích đối với bà H nhưng bà H không đi giám định thương tích. Hiện nay bà H không có yêu cầu đề nghị gì. Do vậy Cơ quA cảnh sát điều tra Công A huyện L không có căn cứ xử lý về Hnh vi này.

[7] Trong vụ án này, ông Nguyễn Xuân H còn đề nghị làm rõ Hnh vi hủy hoại tài sản đối với gia đình ông (Hnh vi phá cây bạch đàn và cây keo). Quá trình điều tra, truy tố chưa có căn cứ xác định có Hnh vi hủy hoại tài sản của gia đình ông H hay chưa. Mặt khác việc T chấp đất đai chỉ là nguyên nhân dẫn đến Hnh vi cố ý gây thương tích của bị cáo C đối với A Phạm N C. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện L tách nội dung đơn đề nghị giải quyết Hnh vi hủy hoại tài sản tHnh một vụ việc khác, khi nào có căn cứ sẽ giải quyết sau là có căn cứ.

[8] Vật chứng của vụ án gồm: 01 con dao phát cây màu đen, lưỡi dao và chuôi dao liền bản bằng sắt, màu đen, dài 40cm, bản rộng N 4cm; 01 con dao phát cây gồm phần lưỡi dao bản sắt màu đen và chuôi gỗ dài 72cm, phần lưỡi dao bản sắt dài 41cm, phần rộng N 5cm; 01 con dao phát cây phần lưỡi dao bản sắt màu đen và chuôi gỗ, dài 66cm, phần bản lưỡi sắt dài 39cm, bản rộng N 4cm; 01 dao phát cây, phần lưỡi dao bản sắt, chuôi gỗ, dài 56cm, phần bản lưỡi sắt dài 40cm, bản rộng N 4cm; 01 bộ quần áo đồng màu xA, kiểu áo giàng di, quần dài, áo dài tay; 01 áo dài tay màu xA, kiểu áo giàng di, 01 quần bò dài màu xA; 03 gậy gỗ có đặc điểm: 01 gậy gỗ chặt vát hai đầu dài 87cm, đường kính 3cm; 01 gậy gỗ dài 1,05m, đường kính 3cm, một đầu chặt gọn, 1 đầu chặt nham nhở; 01 gậy gỗ dài 1,14m, đường kính 3,5cm, hai đầu chặt gọn Toàn bộ vật chứng có giá trị sử dụng thấp, không ai yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Do bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường xong trước khi xét xử nên không phải chịu án phí DSST. Bị cáo phải chịu án phí HSST và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Xử phạt: Nguyễn Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời giA thử thách 5 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Vô T, huyện L, tỉnh Bắc GiAg giám sát và giáo dục trong thời giA thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi Hnh án hình sự.

Trong thời giA thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi Hnh hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: A Phạm N C được nhận tiếp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Văn C nộp theo biên lai thu số AA/2010/005344 ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện L.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao phát cây màu đen, lưỡi dao và chuôi dao liền bản bằng sắt, màu đen, dài 40cm, bản rộng N 4cm; 01 con dao phát cây gồm phần lưỡi dao bản sắt màu đen và chuôi gỗ dài 72cm, phần lưỡi dao bản sắt dài 41cm, phần rộng N 5cm; 01 con dao phát cây phần lưỡi dao bản sắt màu đen và chuôi gỗ, dài 66cm, phần bản lưỡi sắt dài 39cm, bản rộng N 4cm; 01 dao phát cây, phần lưỡi dao bản sắt, chuôi gỗ, dài 56cm, phần bản lưỡi sắt dài 40cm, bản rộng N 4cm; 01 bộ quần áo đồng màu xA, kiểu áo giàng di, quần dài, áo dài tay; 01 áo dài tay màu xA, kiểu áo giàng di, 01 quần bò dài màu xA; 03 gậy gỗ có đặc điểm: 01 gậy gỗ chặt vát hai đầu dài 87cm, đường kính 3cm; 01 gậy gỗ dài 1,05m, đường kính 3cm, một đầu chặt gọn, 1 đầu chặt nham nhọn; 01 gậy gỗ dài 1,14m, đường kính 3,5m, hai đầu chặt gọn.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS. Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Bắc GiAg;
- VKSND tỉnh Bắc GiAg;
- VKS, CA, THA huyện L;
- UBND Vô T, L;
- Bị cáo, bị hại, người liên quA;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

